

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22/7/2022
V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Tĩnh
2. Ông Nguyễn Tiến Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Trần Lại Khánh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 22/7/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2022/TLST- HNGĐ ngày 28/4/2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 20/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST - HNGĐ ngày 07/7/2022; thông báo về việc mở lại phiên tòa số 04/2022/TB-TA ngày 11/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H; sinh năm: 2000; địa chỉ: Khu 12, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ; chỗ ở hiện nay: Tổ 4, xóm Nội, xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Bị đơn: Anh Bùi Đức T; sinh năm: 1998; địa chỉ: Khu 12, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Bùi Đức T có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 09/01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau kết hôn, hai vợ chồng về chung sống với nhau tại nhà chồng thuộc

khu 12, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc trong khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Hơn nữa, anh T không chịu chu làm ăn, hay cờ bạc dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 5/2022 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn. Chị xin được ly hôn với anh Bùi Đức T.

Về con chung: Chị và anh Bùi Đức T có 01 con chung là cháu Bùi Thị Lan Anh, sinh ngày 21/10/2019. Khi ly hôn chị xin được nuôi cháu Bùi Thị Lan Anh và không đề nghị anh T phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là anh Bùi Đức T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Trong bản tự khai tại Tòa án anh đã thể hiện quan điểm của mình như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Đức T thống nhất với lời khai của chị Nguyễn Thị Thu H về quá trình đăng ký kết hôn, sự tự nguyện trong hôn nhân như chị Nguyễn Thị Thu H trình bày là đúng. Anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn cãi vã nhau nhưng anh xin đoàn tụ để vợ chồng về nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh T cũng xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Thị Lan Anh, sinh ngày 21/10/2019. Khi ly hôn anh T xin được nuôi cháu Bùi Thị Lan Anh và không đề nghị chị Nguyễn Thị Thu H phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng anh.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng cũng như việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ của người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Bùi Đức T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Lan Anh, sinh ngày 21/10/2019 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Anh Bùi Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Đức T. Bị đơn là anh Bùi Đức T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 12, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Bùi Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Đức T là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Đức T có đăng ký kết hôn với nhau ngày 09/01/2019 tại UBND xã S, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, hai bên tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc là có thật. Đây là cuộc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, phù hợp với các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị H và anh T xác định chị H và anh T xảy ra mâu thuẫn do anh T chơi bời, không chịu làm ăn. Chị H đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Kể từ khi phát sinh mâu thuẫn đến nay giữa chị H và anh T không có biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình, vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai nữa. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị H và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H đề nghị ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Đức T có 01 con chung là cháu Bùi Thị Lan A, sinh ngày 21/10/2019. Khi ly hôn chị H và anh T đều xin được nuôi cháu Bùi Thị Lan A, cả chị H và anh T đều không đề nghị cấp dưỡng nếu được nuôi con chung. Xét đề nghị của các bên đương sự là chính đáng. Tuy nhiên, phía anh Bùi Đức T mặc dù muốn được nuôi con chung nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh khả năng nuôi con của mình. Hơn nữa, cháu Bùi Thị Lan A là con gái, hiện tại cháu còn rất nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên rất cần sự quan tâm

chăm sóc trực tiếp của người mẹ và theo quy định của pháp luật phải do người mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho con chung, cần giao cháu Bùi Thị Lan A cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Bùi Đức T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị Thu H vì chị H không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình: Chị Nguyễn Thị Thu H không đề nghị Tòa án giải quyết. Mặt khác, tại bản tự khai của mình anh Bùi Đức T cũng thể hiện được quan điểm không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình nên không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Bùi Đức T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Lan A, sinh ngày 21/10/2019 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Anh Bùi Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H vì chị H không yêu cầu.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0002128 ngày 27/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu H có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Đức T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- UBND xã S, h.L;
- Đường sự;
- Lưu HSVA, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Trang

